

QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 849/QĐ-UBND ngày 20/4/2026 của UBND xã Vĩnh Thuận)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG NGUỒN THU NSNN (A+B+C+D)	129,459,000,000	126,125,000,000	158,922,560,591	153,043,680,421	122.76	121.34
A	TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN	129,459,000,000	126,125,000,000	154,319,669,774	148,440,789,604	119.20	117.69
I	Thu nội địa	3,995,000,000	661,000,000	6,657,782,984	778,902,814	166.65	117.84
1	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	5,000,000	-	4,910,480	-	98.21	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	5,000,000	-	4,910,480	-	98.21	
2	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	760,000,000	76,000,000	2,250,826,148	118,353,975	296.16	155.73
	- Thuế giá trị gia tăng	660,000,000	66,000,000	2,213,271,841	115,931,584	335.34	175.65
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	100,000,000	10,000,000	24,223,905	2,422,391	24.22	24.22
	- Thuế tài nguyên			13,330,402	-		
3	Thuế thu nhập cá nhân	1,005,000,000	-	1,034,560,210	-	102.94	
4	Lệ phí trước bạ	1,900,000,000	380,000,000	2,602,292,948	520,458,590	136.96	136.96
5	Thu phí, lệ phí	140,000,000	140,000,000	323,353,000	121,773,000	230.97	86.98
-	<i>Phí và lệ phí trung ương</i>			<i>142,540,000</i>			
-	<i>Phí và lệ phí tỉnh</i>			<i>59,040,000</i>			
-	<i>Phí và lệ phí xã, phường</i>			<i>121,773,000</i>	<i>121,773,000</i>		
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			4,031,976	4,031,976		
7	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước			5,342,639	-		
8	Thu tiền sử dụng đất	120,000,000	-	305,684,640		254.74	

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
9	Thu khác ngân sách	65,000,000	65,000,000	126,780,943	14,285,273	195.05	21.98
II	Thu từ dầu thô						
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu						
IV	Thu bổ sung NS cấp trên	125,464,000,000	125,464,000,000	147,661,886,790	147,661,886,790		117.69
1	Bổ sung cân đối	123,108,000,000	123,108,000,000	105,039,600,000	105,039,600,000		85.32
2	Bổ sung có mục tiêu	2,356,000,000	2,356,000,000	42,622,286,790	42,622,286,790		1,809.10
V	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên						
B	THU TỪ QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH						
C	THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC						
D	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG			4,602,890,817	4,602,890,817		